

QUY ĐỊNH

Công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3266 /QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Chương I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên (SV) trình độ đại học hình thức chính quy bao gồm: chương trình đào tạo (CTĐT), thời gian học tập, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, cấp bằng tốt nghiệp và những quy định khác đối với SV.
- Quy định này áp dụng đối với SV các ngành, khóa đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy của Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

Điều 2. Sinh viên

Sinh viên hình thức chính quy của Trường ĐHCT là những người đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh hoặc được xét tuyển và có quyết định thu nhận vào học hình thức chính quy của Trường. Mỗi SV sẽ được cấp một mã số SV, thẻ SV, tài khoản máy tính và địa chỉ thư điện tử (email) để sử dụng trong suốt quá trình theo học tại Trường.

Sinh viên Trường ĐHCT phải chấp hành nội quy, quy định của Trường, của trường chuyên ngành, khoa và viện thuộc Trường ĐHCT (sau đây gọi chung là đơn vị đào tạo), của lớp và của các đơn vị khác trong Trường ĐHCT. Khi vào Trường, SV phải mang bảng tên, trang phục sạch sẽ, gọn gàng, kín đáo; phải mặc đồng phục SV khi tham dự những học phần có yêu cầu. Sinh viên phải giữ trật tự, vệ sinh, chấp hành luật giao thông, đỗ xe đúng nơi quy định. Sinh viên Trường ĐHCT phải có nếp sống văn minh; có ý thức bảo vệ của công, bảo vệ môi trường; không làm ồn, gây mất trật tự; không tụ tập sử dụng đồ uống có cồn và các loại chất kích thích bị cấm.

Điều 3. Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học

Chương trình đào tạo của mỗi ngành học được xây dựng theo đơn vị tín chỉ (TC), cấu trúc từ các học phần (thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp), trong đó có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên phải tích lũy đủ các học phần và khối lượng TC tối thiểu theo yêu cầu của CTĐT để được xét cấp bằng tốt nghiệp.

Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học được xây dựng căn cứ vào CTĐT, gồm các nội dung: thông tin chung về CTĐT; thông tin về đối sánh giữa CTĐT với các chương trình tương tự trong và ngoài nước; thông tin về kết quả đánh

giá hoặc kiểm định chất lượng CTĐT; mục tiêu đào tạo của CTĐT; chuẩn đầu ra của CTĐT; ma trận tương thích giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT; ma trận tương thích giữa các học phần trong chương trình dạy học và chuẩn đầu ra của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; vị trí việc làm; cấu trúc chương trình dạy học; khung CTĐT (là CTĐT với các học phần được bố trí theo khối kiến thức); kế hoạch dạy học (là CTĐT với các học phần được bố trí theo học kỳ trong thời gian thiết kế của CTĐT; sau đây gọi là kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa); tóm tắt các học phần (đính kèm đề cương chi tiết các học phần); phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá.

Một số học phần thuộc CTĐT có thể được tổ chức lớp học bằng phương thức dạy và học trực tuyến một phần hoặc toàn bộ học phần khi đáp ứng các quy định hiện hành. Những nội dung dạy và học trực tuyến được ghi trong đề cương chi tiết học phần. Tổng khối lượng (tính theo TC) được thực hiện bằng phương thức dạy và học trực tuyến không quá 30% khối lượng của CTĐT. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường ĐHCT có thể thực hiện việc dạy và học bằng phương thức trực tuyến theo yêu cầu và hướng dẫn của Nhà nước.

Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học được công khai tại trang thông tin điện tử của Trường và đơn vị đào tạo để SV và các bên liên quan được biết.

Điều 4. Kế hoạch học tập

Căn cứ kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và hướng dẫn của cố vấn học tập (CVHT), SV phải xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa (KHHTTK) bằng cách liệt kê các học phần phải học cho từng học kỳ (HK) của khóa học. KHHTTK phải được CVHT phê duyệt. KHHTTK là cơ sở để SV đăng ký học phần trong mỗi HK.

Sinh viên có thể thay đổi KHHTTK trong quá trình học nhưng phải có ý kiến của CVHT.

Điều 5. Thời gian học tập

Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa có thời gian thiết kế cho một CTĐT tùy theo ngành học. Thời gian học tập tối đa cho phép để SV hoàn thành CTĐT được xác định theo bảng dưới đây:

Thời gian thiết kế của CTĐT	Thời gian học tập tối đa để SV hoàn thành CTĐT
4 năm	8 năm
4,5 năm	9 năm
5 năm	10 năm

Những SV học liên thông (người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng hình thức chính quy trở lên; người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên) và những SV có kết quả học tập đã tích lũy từ một ngành đào tạo hoặc một CTĐT khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được xem xét công nhận, chuyển đổi sang TC của những học phần trong CTĐT theo học theo Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong CTĐT trình độ đại học hình thức chính quy của Trường ĐHCT. Đối với SV tuyển sinh đào tạo từ năm học 2021 - 2022 (Khóa 47) trở về sau, khối lượng TC tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của CTĐT và thời gian tối đa để những SV này hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng TC

được miễn trừ, cụ thể là mỗi 9 TC đối với Khóa 49 trở về trước và 6 TC đối với Khóa 50 trở về sau được công nhận và chuyển đổi thì thời gian học tập tối đa để SV hoàn thành CTĐT giảm tương ứng là 1 HK (ví dụ: được công nhận và chuyển đổi ít hơn 9 TC đối với Khóa 49 trở về trước và ít hơn 6 TC đối với Khóa 50 trở về sau thì không giảm thời gian học tập tối đa; từ 9 TC đến 17 TC đối với Khóa 49 trở về trước và từ 6 TC đến 11 TC đối với Khóa 50 trở về sau thì thời gian học tập tối đa giảm 1 HK; từ 18 TC đến 26 TC đối với Khóa 49 trở về trước và từ 12 TC đến 17 TC đối với Khóa 50 trở về sau thì thời gian học tập tối đa giảm 2 HK; ...).

Điều 6. Học kỳ

1. Mỗi năm học được tổ chức thành 03 HK gọi là Học kỳ 1, Học kỳ 2 và Học kỳ 3.
2. Mỗi HK kéo dài 15 tuần, trong đó gồm có 11 tuần dạy và học, 01 tuần dự trữ và tổ chức thi những học phần thi riêng, 01 tuần tổ chức thi những học phần thi riêng còn lại, 02 tuần tổ chức thi những học phần thi chung và xử lý kết quả đánh giá học phần.
3. Học kỳ 1 bắt đầu từ tuần thứ 37 đến tuần thứ 51 của năm; Học kỳ 2 bắt đầu từ tuần thứ 01 đến tuần thứ 17 của năm (bao gồm 2 tuần nghỉ Tết Nguyên Đán); Học kỳ 3 bắt đầu từ tuần thứ 20 đến tuần thứ 34 của năm. Tuần nghỉ giữa các HK là tuần thứ 18, 19, 35, 36, 52 và tuần thứ 53 (nếu có) của năm.

Điều 7. Học phần, lớp học phần và lớp chuyên ngành

1. Học phần là lượng kiến thức tương đối trọn vẹn được dạy trong 1 HK. Mỗi học phần có tên riêng và được ký hiệu bằng một mã số.
2. Học phần bắt buộc là học phần SV phải tích lũy.
3. Học phần tự chọn là học phần SV tự lựa chọn để tích lũy.
4. Học phần tiên quyết của học phần HPxxx là học phần mà SV phải tích lũy mới được đăng ký học học phần HPxxx.
5. Học phần song hành của học phần HPxxx là học phần mà SV phải học trước hoặc học cùng lúc với học phần HPxxx.
6. Học phần điều kiện (bao gồm các học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP&AN), Giáo dục thể chất (GDTC), Ngoại ngữ căn bản, Tin học căn bản) là học phần mà SV phải hoàn thành nhưng kết quả học phần không dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL); ngoài ra, điểm học phần GDTC không dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK) và điểm trung bình chung năm học (ĐTBCHN).
7. Lớp học phần (được dạy và học trực tiếp hoặc trực tuyến) là lớp bao gồm những SV đăng ký học cùng thời khóa biểu (TKB) của một học phần trong HK. Trong một HK, mỗi học phần có thể có nhiều lớp học phần có TKB với mã số khác nhau và có giảng viên phụ trách.
8. Lớp chuyên ngành là lớp được hình thành từ đầu khóa học cho đến cuối khóa học. Tổ chức lớp chuyên ngành để duy trì những sinh hoạt đoàn thể, lao động, xét kết quả rèn luyện, xét khen thưởng, phổ biến những thông tin của Trường, đơn vị đào tạo đến SV. Mỗi lớp chuyên ngành có mã số riêng và được bố trí một CVHT để tư vấn và hỗ trợ SV.